TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2019/QĐST - DS	*T, ngày 03 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hằng
Thư ký phiên họp: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên họp:
Ông Trịnh Đăng Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 36/2018/TLST- DS ngày 16 tháng 11 năm 2018 về việc: Yêu cầu tuyên bố một người mất tích theo Quyết định mở phiên họp số: 06/2019/QĐST - DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:
- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
Anh Hoàng Văn T ; Sinh năm 1974
Địa chỉ: Xóm 4 xã X , huyện T , tỉnh T .

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự là anh Hoàng Văn T trình bày:
Anh Hoàng Văn T và chị Cầm Thị M có đăng ký kết hôn vào ngày 27/6/1997 tại UBND xã X , huyện T , tỉnh T . Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau. Năm 2011 chị M bỏ nhà ra đi không rõ địa chỉ. Anh T đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không có tin tức gì của chị M . Hiện nay anh T không biết chị M ở đâu, làm gì, còn sống hay đã chết. Anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T tuyên bố chị Cầm Thị M , sinh năm 1981, nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Xóm 4 xã X , huyện T, tỉnh T, là người mất tích.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị M , sinh ngày 17/10/1998. Hiện nay con chung đang ở với anh T và anh không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra Quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra Quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện T áp dụng điều 68 Bộ luật dân sự và các điều 369; 370; 371; 372; 389 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn T , tuyên bố chị Cầm Thị M là người mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện T nhận định:

[1]. Yêu cầu của anh Hoàng Văn T là có căn cứ được chấp nhận Tại vì: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị M đã bỏ đi biệt tích 08 năm. Anh T đã tìm kiếm khắp nơi trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không có tin tức gì về chị M cụ thể: Tại Báo nhân dân số 23055 ngày 25/11/2018 đăng phát lần đầu tiên và 02 số liên tiếp là 23056 ngày 26/11/2018 và 23057 ngày 27/11/2018; Đài tiếng nói Việt Nam phát thanh vào hồi 17h50 phút trong các ngày liên tiếp 01, 02, 03/12/2018. Do đó yêu cầu của anh T về việc tuyên bố chị Cầm Thị M là người mất tích và ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định tại điều 68 Bộ luật dân sự.

Tòa án căn cứ vào điều 68 Bộ luật dân sự; Căn cứ điều 369; 370; 371; 372; 389 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu của anh Hoàng Văn T ; Tuyên bố chị Cầm Thị M là người mất tích

[2] Về con chung và tài sản không yêu cầu nên không xét.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điều 68 Bộ luật dân sự; Các điều 369; 370; 371; 372; 389 Bộ luật tố tụng dân sự

- Tuyên bố: Chị Cầm Thị M , sinh năm 1981; Nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích: Xóm 4 xã X , huyện T , tỉnh T , là người mất tích.

- Lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 37 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số AA/2017/0001298 ngày 16/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu có quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận :
- VKSND;
- THA Dân sự;
- Đương sự;
- UBND xã X , huyện T , tỉnh T
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Hằng